TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/DS-ST
Ngày: 20-01-2020.
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Đào;

2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên toà: Ông Danh Vũ Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2019 về: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/QĐST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) Ph.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T1 - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Trụ sở: Số 41 và 45 Lê D, phường B, Quận 1, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Văn T1 là ông Nguyễn Văn B - Chức vụ: Giám đốc RB (Bán lẻ) kiêm phó Giám đốc Chi nhánh K - Ngân hàng TMCP Ph.

Người đại diện theo ủy quyền lại bà Trần Thanh Th1, sinh năm 1987 - Chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ - TTXLN - Ngân hàng TMCP Ph.

Địa chỉ: Số 281 Nguyễn Trung Tr, phường V, thành phố R, tỉnh K.

2. *Bị đơn*: Ông Danh N - sinh năm 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A1, xã Đ, huyện G, tỉnh K.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Diệp Thị Gi - sinh năm 1960 (chết).

Địa chỉ: Ấp A1, xã Đ, huyện G, tỉnh K.

- Ông Một Th2 (tên gọi khác Một T2) - sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện P, tỉnh K (hiện nay đang sinh sống và tạm trú tại ấp A1, xã Đ, huyện G, tỉnh K).

4. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Giao:

- Chị Diệp Thị Cẩm T3 - sinh năm 1986 (chết).

- Anh Danh Văn Dũ - sinh năm 1992 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp A1, xã Đ, huyện G, tỉnh K.
- Anh Danh Văn Nh - sinh năm 1981 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp A2, xã Đ, huyện G, tỉnh K.
- Chị Diệp Thị Cẩm Th3 - sinh năm 1988 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp A3, xã Đ, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông và người đại diện theo ủy quyền lại bà Trần Thanh Th1 trình bày: Vào ngày 25/7/2016 ông Danh N, bà Diệp Thị Gi có đến Ngân hàng TMCP Ph - Chi nhánh K thỏa thuận vay số tiền là 400.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 0406/2016/HĐTD-CN ngày 25/7/2016, phương thức cho vay: Từng lần; Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn cho vay là 12 tháng; Lãi suất trong hạn 12,2%/năm. Cố định 6 tháng đầu, từ tháng thứ 7 áp dụng lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần được tính như sau: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở (1) + biên độ lãi suất (2) (trong đó lãi suất cơ sở (1) bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 6 tháng trả lãi cuối kỳ do Ngân hàng TMCP Ph công bố tại thời điểm tính lãi suất; biên độ lãi suất (2) là tối thiểu 6%/năm). Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Hình thức thanh toán: Trả gốc cuối kỳ; trả lãi 01 tháng/kỳ theo dư nợ thực tế.

Đồng thời, ông Danh N, bà Diệp Thị Gi có thế chấp quyền sử dụng đất theo giấy CNQSD đất số BX 150216, tổng diện tích là 1.146,9m^2, thửa 41, tờ bản đồ số 5-7B, tọa lạc ấp A1, xã Đ, huyện G, tỉnh K để vay số tiền 400.000.000 đồng. Từ khi vay đến nay ông Danh N, bà Diệp Thị Gi không có thanh toán cho Ngân hàng được số tiền vốn gốc lần nào, hiện nay còn thiếu vốn gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 20/01/2020 là 585.492.974 đồng và hợp đồng tín dụng trên đã quá hạn 04 năm.

Nguyện vọng: Ngân hàng TMCP Ph - Chi nhánh K yêu cầu ông Danh N, chị Diệp Thị Cẩm Th3, anh Danh Văn D và anh Danh Văn Nh phải thanh toán số tiền vốn và lãi tạm tính đến ngày 20/01/2020 là 585.492.974 đồng (trong đó vốn gốc là 400.000.000đ và lãi trong hạn là 3.149.941đ, lãi quá hạn là 182.343.033đ) và trả cho Ngân hàng một lần là dứt nợ. Nếu ông Danh N, chị Diệp Thị Cẩm Th3, anh Danh Văn D và anh Danh Văn Nh không thanh toán được nợ trên thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Danh N và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Giao là chị Diệp Thị Cẩm Th3, anh Danh Văn D và anh Danh Văn Nh không có mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến nay ông Danh N, chị Diệp Thị Cẩm Th3 và anh Danh Văn D không có mặt ở địa phương nên Tòa án giao văn bản cho anh Nh nhưng anh Nh không nhận văn bản cam kết giao lại cho ông N, chị Th3, anh D; Do đó, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng đúng theo quy định của

pháp luật nhưng ông Danh N, chị Diệp Thị Cẩm Th3 và anh Danh Văn D vẫn không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông Danh N, chị Diệp Thị Cẩm Th3 và anh Danh Văn D trong vụ án này.

Đối với anh Danh Văn Nh kể từ khi thụ lý cho đến nay, anh Nhờ có mặt ở địa phương và đã được Tòa án tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh Nh đúng theo quy định của pháp luật; Anh Nh đã ký nhận nhưng anh Nh vẫn không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh Nh trong vụ án này. Do vậy, anh Nh đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Đối với ông Một Th2 hiện đang tạm trú tại ấp A1, xã Đ, huyện G, tỉnh K và ông Th2 có cất nhà trên đất mà ông N thế chấp vay tiền tại Ngân hàng. Tuy nhiên, trong quá trình vay tiền tại Ngân hàng thì Ngân hàng xác định là nhà ông Th2 đã có trước khi cho ông N vay tiền. Đồng thời, ông Th2 cũng không có mặt ở địa phương nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Thanh đúng theo quy định của pháp luật nhưng ông Th2 vẫn không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông Th2 trong vụ án này.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án cũng như các thủ tục hòa giải, thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo qui định. Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Gi vắng mặt tại phiên tòa là không tuân thủ quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cũng còn một số vi phạm như: Vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, đề nghị Tòa án khắc phục sau này.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Danh N và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Gi là chị Diệp Thị Cẩm Th3, anh Danh Văn D và anh Danh Văn Nh phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày ngày 20/01/2020 là 585.492.974 đồng (trong đó vốn gốc là 400.000.000đ và lãi trong hạn là 3.149.941đ, lãi quá hạn là 182.343.033đ) và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong khoản vay. Nếu ông Danh N và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Gia là chị Diệp Thị Cẩm Th3, anh Danh Văn D và anh Danh Văn Nh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Riêng chị Th3, anh Nh và anh D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi di sản mà bà Giao chết để lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Ph với ông Danh N, chị Diệp Thị Cẩm Th3, anh Danh Văn D và anh Danh Văn Nh là tranh chấp

về dân sự được quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Danh N là bị đơn và chị Diệp Thị Cẩm Th3, anh Danh Văn D, anh Danh Văn Nh là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Gi và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Một Th2 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ kiện. Tuy nhiên, khi ông Danh N, bà Diệp Thị Gi thực hiện giao dịch với Ngân hàng, ông bà có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi ông bà cư trú. Hiện nay ông Danh N, bà Diệp Thị Gi vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên nên theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết, thông báo cho ông N, chị Th3, anh D, anh Nh và ông Một Th2 theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là ông Danh N; Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Gi chị Diệp Thị Cẩm Th3, anh Danh Văn D, anh Danh Văn Nh; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Một Th2 theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Ph là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giao dịch giữa các đương sự là thỏa thuận vay tài sản. Do vậy, khi các bên xảy ra tranh chấp thì căn cứ vào các quy định về hợp đồng vay tài sản để giải quyết là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[3] Xét về hợp đồng tín dụng số 0406/2016/HĐTD-CN ngày 25/7/2016 giữa các bên có quy định về lãi suất, thời hạn vay, phương thức thanh toán nợ gốc và lãi. Những quy định trong hợp đồng không trái với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Tuy nhiên, trong thời gian thực hiện hợp đồng ông Danh N, bà Diệp Thị Gi không thực hiện đúng cam kết, từ ngày 25/7/2016 cho đến nay bên vay là ông Danh N, bà Diệp Thị Gi đã vi phạm về thời hạn trả nợ nên căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc ông Danh N, bà Diệp Thị Gi phải trả khoản nợ vay và lãi phát sinh cho Ngân hàng là phù hợp.

[4] Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0406/2016/BĐ ngày 25/7/2016 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Ph với ông Danh N, bà Diệp Thị Gi có nêu rõ các điều khoản thi hành và được công chứng chứng thực đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật; Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 150216, tổng diện tích là 1.146,9m^2, thửa 41, tờ bản đồ số 5-7B, tọa lạc ấp A1, xã Đ, huyện G, tỉnh K, toàn bộ diện tích đất trên được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Danh N, bà Diệp Thị Gi đứng tên vào ngày 24/10/2014. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần Ph yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ là có căn cứ, đúng theo quy định tại khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Ph yêu cầu ông Danh N tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa

thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp với nội dung Án lệ số 08/2016/Al của Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án thì bà Gi đã chết vào năm 2018 trước khi Ngân hàng khởi kiện. Do đó, Ngân hàng yêu cầu chị Th3, anh D và anh Nh (con ông N và bà Gi) là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Gi cùng liên đới trả cho Ngân hàng số tiền trên là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, lúc còn sống thì ông N, bà Gi là người trực tiếp vay tiền của Ngân hàng. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự 2015 thì "Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết". Như vậy, theo quy định trên những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Gi gồm: Ông N, chị Th3, anh Nh và anh D. Mặc khác, theo quy định tại khoản 8 Điều 658 của Bộ luật dân sự 2015 thì những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Giao được nhận tài sản của bà Gi để lại và trả các khoản nợ mà bà Gi nợ trước khi chết. Đồng thời, do bà Gi chết năm 2018 nên theo quy định tại Điều 615 của Bộ luật dân sự 2015 thì những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Gi phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi di sản thừa kế mà bà Gi chết để lại.

Đối chiếu với quy định trên thì ông N, chị Th3, anh Nh và anh D là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Gi thuộc hàng thừa kế thứ nhất nên cần buộc ông N, chị Th3, anh Nh và anh D phải có trách nhiệm trả số tiền còn thiếu cho Ngân hàng là 585.9492.974 đồng là đúng theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Riêng chị Th3, anh Nh và anh D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi di sản mà bà Gi chết để lại.

[6] Đối với ông Một Th2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập lệ nhưng ông vắng mặt tại phiên tòa và ông cũng không làm văn bản gửi cho Tòa án nên HĐXX không có căn cứ xem xét ý kiến của ông. Do đó, nếu ông Th2 có yêu cầu sẽ xem xét giải quyết thành vụ án khác.

[7] Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đối với bị đơn và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Giao nên lời đề nghị này của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[8] Về án phí DSST có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên hoàn trả lại tiền tạm ứng phí mà Ngân hàng đã nộp là 12.400.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001035 ngày 05/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ông Danh N, chị Diệp Thị Cẩm Th3, anh Danh Văn D, anh Danh Văn Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 585.492.974 đồng, trong đó giá ngạch của 400.000.000 đồng là 20.000.000 đồng + với phần vượt quá của 400.000.000 đồng là (185.492.974 đ x 4%) = 27.419.718,96 đồng làm tròn 27.420.000đ (Hai mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 11, Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Ph - Chi nhánh K đối với bị đơn là ông Danh N và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Gi là chị Diệp Thị Cẩm Th3, anh Danh Văn D, anh Danh Văn Nh.

Buộc ông Danh N và chị Diệp Thị Cẩm Th3, anh Danh Văn D, anh Danh Văn Nh phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Ph - Chi nhánh K số tiền là 585.492.974đ (Năm trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi bốn đồng), trong đó vốn gốc là 400.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 20/01/2020 là 185.492.974 đồng. Riêng chị Th3, anh Nh và anh D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi di sản mà bà Gi chết để lại.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Danh N và chị Diệp Thị Cẩm Th3, anh Danh Văn D, anh Danh Văn Nh còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Danh N và chị Diệp Thị Cẩm Th3, anh Danh Văn D, anh Danh Văn Nh phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Danh N và chị Diệp Thị Cẩm Th3, anh Danh Văn D, anh Danh Văn Nh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Ph - Chi nhánh K thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh K xử lý tài sản thế chấp là đất và quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 150216, tổng diện tích là 1.146,9m^2, thửa 41, tờ bản đồ số 5-7B, tọa lạc ấp A1, xã Đ, huyện G, tỉnh K, toàn bộ diện tích đất trên được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Danh N và bà Diệp Thị Gi đứng tên vào ngày 24/10/2014 để thu hồi toàn bộ số nợ.

Khi ông Danh N và chị Diệp Thị Cẩm Th3, anh Danh Văn D, anh Danh Văn Nh trả hết số nợ đã vay và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng thương mại cổ phần Ph - Chi nhánh K thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sừ dụng đất số BX 150216, tổng diện tích là 1.146,9m^2, thửa 41, tờ bản đồ số 5-7B, tọa lạc ấp A1, xã Đ, huyện G, tỉnh K cho ông Danh N.

Đối với ông Một Th2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa và ông cũng không làm văn bản gửi cho Tòa án nên HĐXX không có căn cứ xem xét ý kiến của ông. Do đó, nếu ông Th2 có yêu cầu sẽ xem xét giải quyết thành vụ án khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là: 27.420.000đ (Hai mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng), buộc ông Danh N và chị Diệp Thị Cẩm Th3, anh Danh Văn D, anh Danh Văn Nh phải nộp.

Ngân hàng TMCP Ph - Chi nhánh K được nhận lại 12.400.000đ (Mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001035 ngày 05/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 20/01/2020.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hoài Thanh